

Bản án số: **103/2022/HNGĐ - ST**

Ngày: 19-9-2022.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Châu Văn Bảy

2. Ông Ngô Văn Tuôi

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 217/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 395/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng A, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp ALT, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Thanh T, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp ALT, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/6/2022 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng A trình bày:

Về hôn nhân: Trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết nhau trước, bà và ông Trần Thanh T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre, vào ngày 06/8/1997. Sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu mất hạnh phúc. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do ông bà bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cự cãi nhau. Bà và ông Thanh T hiện đang sống ly thân. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Thanh T.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, ông bà có 02 con chung

tên Trần Thanh H, sinh ngày 04/8/1997 và Trần Thiên Ph, sinh ngày 05/9/2015. Sau khi ly hôn, cháu H đã trưởng thành nên không đề cập; Cháu Ph đang sống với bà và bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Ph, không yêu cầu ông Thanh T cấp dưỡng nuôi cháu Ph.

Về chia tài sản:

Về tài sản chung: Ông bà thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong thời gian chung sống, ông bà không có không có nợ ai.

Tại bản tự khai ngày 19/8/2022, bị đơn ông Trần Thanh T trình bày như sau:

Về hôn nhân: Nguyên nhân ông và bà Nguyễn Thị Hồng A mất hạnh phúc là do ông bà bất đồng quan điểm. Nay bà A yêu cầu ly hôn ông đồng ý.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, ông bà có 02 con chung tên Trần Thanh H, sinh ngày 04/8/1997 và Trần Thiên Ph, sinh ngày 05/9/2015. Sau khi ly hôn, cháu H đã trưởng thành nên không đề cập; Cháu Ph đang sống với bà Hồng A và ông đồng ý giao cháu Ph cho bà Hồng A được tiếp tục trực tiếp nuôi.

Về chia tài sản:

Về tài sản chung: Ông bà thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Ông không có ý kiến trình bày.

Tại Biên bản lấy ý kiến đề ngày 06/9/2022, cháu Trần Thiên Ph trình bày như sau:

Hiện cháu đang sống với mẹ. Nếu cha và mẹ cháu ly hôn với nhau, cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ. Theo cháu, mẹ có đầy đủ điều kiện đảm bảo nhu cầu học tập, vật chất và tinh thần cho cháu.

Tại Biên bản xác minh đối với ông Nguyễn Hồng Ch về nguyên nhân mâu thuẫn của bà Nguyễn Thị Hồng A và ông Trần Thanh T có nội dung như sau:

Ông là cha ruột của bà Nguyễn Thị Hồng A. Bà Nguyễn Thị Hồng A và ông Trần Thanh T sau khi đám cưới sống tại nhà riêng. Trong quá trình chung sống, bà Hồng A làm nghề buôn bán, ông Thanh T trước đây phụ buôn bán với bà Hồng A nhưng hiện nay không làm nghề gì. Bà Hồng A và ông Thanh T phát sinh mâu thuẫn từ khi bà Hồng A sinh đứa con lớn Trần Thanh H. Nguyên nhân do ông Thanh T thường xuyên nhậu nhẹt, kiếm chuyện với bà Hồng A và hai bên xảy ra cự cãi, mỗi khi bà Hồng A cự lại ông Thanh T đều bỏ nhà đi, có khi vài ngày cũng có khi vài tháng. Khi ông Thanh T và bà Hồng A cự cãi thường kêu ông lại nhà để giải quyết nhưng do vợ chồng ông Thanh T và bà Hồng A cự cãi thường xuyên nên ông không có đến. Hiện tại, bà Hồng A và ông Thanh T đã sống ly thân và bà Hồng A đang trực tiếp nuôi con.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là tuân thủ đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng A; Về nuôi con chung: Sau khi ly hôn, cháu Trần Thanh H đã trưởng thành nên không đề cập, bà Nguyễn Thị Hồng A tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Trần Thiên Ph, sinh ngày 05/9/2015 và ông Trần Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Nguyễn Thị Hồng A không có yêu cầu; Về tài sản chung: Ông Thanh T và bà Hồng A thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét giải quyết; Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam nhận định:

[1] Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng A và bị đơn ông Trần Thanh T đều có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Hồng A và ông Thanh T là phù hợp.

[2] *Về hôn nhân:* Hôn nhân của bà Nguyễn Thị Hồng A và ông Trần Thanh T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu mất hạnh phúc. Bà Hồng A và ông Thanh T thống nhất nguyên nhân mất hạnh phúc là do ông bà bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cự cãi nhau, lời trình bày này của các đương sự hoàn toàn phù hợp với nội dung biên bản xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn của ông Thanh T và bà Hồng A. Tại đơn khởi kiện và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hồng A yêu cầu được ly hôn với ông Thanh T. Tại bản tự khai, ông Thanh T cũng đồng ý ly hôn với bà Hồng A. Điều đó chứng tỏ rằng cuộc sống hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hồng A là phù hợp.

[3] *Về nuôi con chung:* Trong thời gian chung sống, ông bà có 02 con chung tên Trần Thanh H, sinh ngày 04/8/1997 và Trần Thiên Ph, sinh ngày 05/9/2015. Sau khi ly hôn, cháu H đã trưởng thành nên không đề cập. Cháu Ph đang sống với bà Hồng A và bà Hồng A có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Ph và tại bản tự khai, ông Thanh T đồng ý giao cháu Ph cho bà Hồng A trực tiếp nuôi. Mặt khác, tại biên bản lấy ý kiến đề ngày 06/9/2022 cháu Ph trình bày nếu cha và mẹ cháu ly hôn với nhau thì cháu có nguyện vọng được

sống với mẹ. Xét thấy, việc thỏa thuận của ông Thanh T và bà Hồng A là phù hợp quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của cháu Ph. Vì vậy, Tòa án giao cháu Ph cho bà Hồng A tiếp tục trực tiếp nuôi sau khi ông Thanh T và bà Hồng A ly hôn là phù hợp. Đối với yêu cầu cấp dưỡng, việc bà Hồng A không yêu cầu ông Thanh T cấp dưỡng nuôi cháu Ph là sự tự nguyện nên ghi nhận.

[4] *Về chia tài sản:*

Về tài sản chung: Ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Thị Hồng A thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng A trình bày trong thời gian chung sống bà và ông Trần Thanh T không có nợ ai. Tại các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, ông Thanh T không có ý kiến về nội dung này. Vì vậy, không có cơ sở xác định ông Thanh T và bà Hồng A có nợ chung, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Hồng A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam là phù hợp hoàn toàn với nhận định của Tòa nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng A.

Bà Nguyễn Thị Hồng A được ly hôn với ông Trần Thanh T.

2. *Về nuôi con chung:* Trong thời gian chung sống, bà Nguyễn Thị Hồng A và ông Trần Thanh T có 02 con chung tên Trần Thanh H, sinh ngày 04/8/1997 và Trần Thiên Ph, sinh ngày 05/9/2015. Sau khi ly hôn, cháu H đã trưởng thành nên không đề cập; Bà Hồng A tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Ph và ông Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi cháu Ph do bà Hồng A không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai

được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản:

Về tài sản chung: Ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Thị Hồng A thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Trong thời gian chung sống, ông bà không có nợ ai nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng A phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Hồng A đã nộp theo biên lai thu số ***** ngày **/**/**** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M nên không phải nộp thêm.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (1b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn (101, 06/8/1997) (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Kim Sang